**BÀI 8: NHỮNG GÓC NHÌN CUỘC SỐNG**

**TIẾT 97, 98: TRI THỨC ĐỌC HIỂU VÀ VĂN BẢN “HỌC THẦY, HỌC BẠN”**

**I. MỤC TIÊU DẠY HỌC**

**1. Năng lực:**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.

**1.2. Năng lực chung**

NL giao tiếp và hợp tác

**2. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**: máy chiếu, micro, bảng, phấn.

1. **Học liệu**: Văn bản đọc 1: Học thầy, học bạn.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1.1. Khởi động: (5p)**

**a. Mục tiêu:**

Nhận ra chủ điểm của bài học và bước đầu trả lời câu hỏi lớn của bài học

**b. Nội dung:** Thông qua việc trải nghiệm xem kính vạn hoa và liên hệ với thực tế cuộc sống, HS trình bày những ý kiến ban đầu về chủ điểm những góc nhìn cuộc sống.

 **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và câu hỏi lớn của bài học.

 **d. Tổ chức hoạt động**

 ***Giao nhiệm vụ học tập:***

GV chuẩn bị một ống kính vạn hoa, sau đó mời 2, 3 HS lên xem thử ống kính vạn hoa. GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm những gì nhìn thấy qua ống kính vạn hoa, nhất là những lúc xoay góc ống kính.

 Từ đó, GV đặt câu hỏi khơi gợi HS nhận xét về việc thay đổi những góc nhìn trong cuộc sống.

*Câu hỏi 1****:*** *Em thấy gì khi quay ống kính vạn hoa?*

*Câu hỏi 2****:*** *Từ trải nghiệm với ống kính vạn hoa, em hãy cho biết: điều gì sẽ xảy ra khi ta thay đổi góc nhìn về một vấn đề trong cuộc sống?*

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS xem ống kính vạn hoa, suy nghĩ về câu hỏi.

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Học sinh trình bày trước lớp ý kiến của mình. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV nhận xét ý kiến của học sinh, giới thiệu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học.

*Nội dung định hướng của giáo viên*:

*Cuộc sống giống như kính vạn hoa, khi ta thay đổi góc nhìn ta lại nhận ra được những khía cạnh mới của cuộc sống và học thêm những bài học mới để trưởng thành hơn. Vì thế, để hiểu sâu sắc cuộc sống, ta cần học hỏi, rèn luyện kĩ năng chia sẻ, thuyết phục mọi người về góc nhìn của mình, cũng như biết cách lắng nghe, tiếp nhận, tôn trọng góc nhìn của người khác => bài học hôm nay sẽ giúp em rèn luyện những kĩ năng ấy.*

**Lưu ý:** câu hỏi lớn là câu hỏi “treo”, học sinh liên tục suy ngẫm về câu hỏi này trong suốt quá trình học, do đó ở bước mở đầu giáo viên không chốt đáp án của câu hỏi lớn.

**I. Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

  HS bước đầu nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận (các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản) và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng đó.

**b. Nội dung:**

 HS đọc phần tri thức đọc hiểu, quan sát ví dụ trong SGK và trả lời các câu hỏi nhằm bước đầu nêu được khái niệm văn nghị luận, các yếu tố cơ bản của văn nghị luận và mối liên hệ giữa chúng.

 **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

 **d. Tổ chức hoạt động**

 ***Giao nhiệm vụ học tập:***

GV yêu cầu học sinh đọc phần *Tri thức đọc hiểu* trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:

*Câu hỏi 1 : Văn nghị luận là gì?*

*Câu hỏi 2 : Văn nghị luận có những yếu tố cơ bản nào? Mối quan hệ giữa các yếu tố ấy?*

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

*Nội dung định hướng:*

*- Văn nghị luận: văn bản được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về quan điểm, tư tưởng của người viết.*

*- Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Các yếu tố này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.*

**2. Hoạt động 2:**

**II. ĐỌC VĂN BẢN 1: “HỌC THẦY, HỌC BẠN” (75p)**

**2.1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt hiểu biết của học sinh về chủ đề văn bản “Học thầy, học bạn” (vai trò của việc học từ thầy, học từ bạn, mối quan hệ giữa hai cách học này….).

- Tạo tâm thế cho học sinh đọc văn bản.

**b. Nội dung:**

HS trả lời câu hỏi chuẩn bị đọc, qua đó trình bày những ý kiến ban đầu của bản thân về chủ đề “Học thầy, học bạn”.

 **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

 **d. Tổ chức hoạt động**

 ***Giao nhiệm vụ học tập:***

HS xem câu hỏi trong phần Chuẩn bị đọc (SGK):

*Việc học hỏi từ thầy cô, bạn bè có ý nghĩa gì đối với chúng ta?*

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS suy nghĩ, chuẩn bị trả lời.

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

2 HS trình bày trước lớp ý kiến của mình. GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

- GV hướng dẫn học sinh chốt *định hướng*: học từ thầy cô (kiến thức chuẩn, có phương pháp truyền dạy hiệu quả); học từ bạn bè (hợp tác, tương trợ, thảo luận, cùng nhau nghiên cứu) -> Góp phần giúp cho quá trình học tập của chúng ta hiệu quả hơn.

- GV giới thiệu HS đọc văn bản.

**2.2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** phần đọc của hs và phần ghi chép, chú thích của hs, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc

**d. Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập*:**

- Gv cho hs đọc thầm VB, tự ghi chép và trả lời câu hỏ suy luận trong sgk

 ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***:

HS đọc văn bản theo cá nhân, tự ghi chép ý chính, từ khóa, ý tưởng và tìm câu trả lời co câu hỏi Suy luận

  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

- GV mời 1, 2 học sinh trả lời câu hỏi suy luận.

*- Suy luận đó có đúng không?*

*- Các bạn thực hiện kĩ năng suy luận đã đúng chưa*

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

Gv nhận xét câu trả lời của hs và nhấn mạnh vào cách hs thực hiện kĩ năng suy luận.

**Nội dung định hướng:**

*Để thực hiện suy luận chúng ta cần dựa vào:*

*+ những căn cứ trong VB*

*+ Những hiểu biết của chúng ta để đưa ra suy luận về những điều không thể hiện trực tiếp trong VB*

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**\* Đặc điểm của văn bản nghị luận (35 phút)**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nhận ra được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận *(có ý kiến, lí lẽ, bằng chứng)*;

- Nhận biết các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trong khi đọc và câu hỏi 1,2,3,4 trong phần *Suy ngẫm và phản hồi* để nhận diện các đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận: Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng của văn bản và mối liên hệ chặt chẽ giữa các yếu tố ấy.

**c. Sản phẩm:** Các câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động**

***Giao nhiệm vụ học tập*:**

- HS đọc trực tiếp văn bản và thực hiện theo yêu cầu của câu hỏi *trải nghiệm cùng văn bản.* GV hướng dẫn HS đọc và đến chỗ có kí hiệu thì nhắc HS dừng lại yêu cầu HS nhìn qua ô tương ứng để thực hiện theo yêu cầu của SGK. GV có thể làm mẫu hoạt động này.

- Sau đó, HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi 1,2,3,4 trong phần *Suy ngẫm và phản hồi*, trong 10 phút.

 ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***:

Cá nhân HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc.

Thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi 1,2,3,4 trong phần Suy ngẫm và phản hồi.

  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

- GV mời 1, 2 học sinh trả lời câu hỏi suy luận.

- GV mời các nhóm, mỗi nhóm trình bày trả lời cho một trong 4 câu hỏi 1,2,3,4 của phần *Suy ngẫm và phản hồi*.Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

- GV nhận xét về kết quả thực hiện kĩ năng suy luận của HS. Nhấn mạnh vào cách hiện thao tác suy luận, cụ thể: Thao tác suy luận căn cứ vào (1) những căn cứ tường mình trong văn bản, (2) hiểu biết của bản thân về văn bản (đưa ra suy luận về những điều không thể hiện trực tiếp trong văn bản). Giáo viên chốt lại cách học sinh thực hiện thao tác suy luận.

*Nội dung định hướng*:

- Câu hỏi suy luận (trải nghiệm cùng văn bản): câu chuyện về Lê-nô-na-rơ-đô Đa Vin-chi là minh chứng cho vai trò dẫn dắt, định hướng của người thầy trong việc làm nên thành công của học trò.

- Câu hỏi suy ngẫm và phản hồi:

*Câu hỏi 1: Câu văn cho thấy ý kiến của người viết về việc học thầy: “Trong cuộc đời mỗi người, học từ thầy là quan trọng nhất”. Câu văn cho thấy ý kiến của người viết về học bạn: “Mặt khác, học hỏi từ bạn bè cũng rất cần thiết”.*

*Câu hỏi 2: Các lí lẽ, bằng chứng mà tác giả sử dụng:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| **Học từ thầy là quan trọng** | Lí lẽ 1: Dân ta có truyền thống tôn sư trọng đạoLí lẽ 2: cần một người thầy có hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ thì mới thành công | Thầy Ve-rốc-chi-o dạy dỗ Lê-ô-na-rơ-đô Đa Vin-chi thành tài. |
| **Học từ bạn bè cũng rất quan trọng.** | Học từ bạn, đồng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí thì việc học hỏi, truyền thụ cho nhau có phần thoải mái, dễ chịu hơn. | Thao luận nhóm là một phương pháp học từ bạn hiệu quả để mỗi thành viên đều tích luỹ được tri thức cho mình. |

*Câu hỏi 3: các từ “mặt khác”, “hơn nữa” có chức năng chuyển ý, giúp cho các ý được rõ ràng, mạch lạc.*

*Câu hỏi 4: so sánh “vai trò của người thầy” với “ngọn hải đăng soi đường, chỉ lối”, so sánh “bạn” với “người đồng hành quan trọng” ( vai trò định hướng của người thầy và vai trò đồng hành, cộng tác của bạn bè trong quá trình lĩnh hội tri thức của mỗi người) Như vậy, hai ý kiến tác giả đưa ra không hề mâu thuẫn mà còn bổ sung cho nhau.*

*Văn bản nghị luận Học thầy, học bạn có hai ý kiến chính. Mỗi ý kiến đều có các lí lẽ, bằng chứng kèm theo nhằm thuyết phục người đọc về suy nghĩ, quan điểm của người viết.*

 **\* Tóm tắt văn bản nghị luận (25 p)**

 **a. Mục tiêu:**

Biết cách tóm tắt được nội dung chính của văn bản nghị luận *Học thầy, học bạn.*

 **b. Nội dung:**

HS đọc lại văn bản và trả lời câu hỏi 5 trong SGK, từ đó rút ra cách tóm tắt văn bản nghị luận.

 **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, đoạn văn tóm tắt văn bản *Học thầy, học bạn*.

 **d. Tổ chức thực hiện:**

 ***Giao nhiệm vụ học tập:***

HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi 5 và viết đoạn văn tóm tắt văn bản *Học thầy, học bạn.*

 ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Học sinh suy nghĩ để trả lời câu hỏi 5 và dựa vào phần gợi ý trong SGK, hoàn thành sơ đồ vào vở và viết đoạn văn tóm tắt.

 ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***:

- Đại diện 1, 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung, chốt cách thức tóm tắt văn bản nghị luận.

- GV chụp và chiếu sơ đồ và đoạn văn tóm tắt của một nhóm tiêu biểu lên màn hình để nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

 ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

- GV hướng dẫn HS nhận xét về cách tóm tắt văn bản nghị luận *Học thầy, học bạn* (một VBNL có nhiều đoạn):

*Nội dung định hướng:*

*Khi tóm tắt văn bản nghị luận Học thầy, học bạn, chúng ta đã phân tích các ý kiến với các lí lẽ và bằng chứng kèm theo và nhận xét mối liên hệ giữa các yếu tố ấy (có thể vẽ sơ đồ); sau đó diễn đạt một cách ngắn gọn bằng lời văn của mình theo các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa chúng.*

**\* Ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận (5p)**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản *Học thầy, học bạn* đối với bản thân.

- Giáo dục lòng nhân ái thông qua việc thấu hiểu, tôn trọng góp nhìn của mọi người.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi 6 trong phần *Suy ngẫm và phản hồi*, từ đó nhận raý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản với bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

 ***Giao nhiệm vụ học tập:*** HS đọc câu hỏi 6.

 ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Học sinh dựa vào những gì đã đọc và những trải nghiệm của bản thân để trả lời câu hỏi 6.

 ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***:

1 – 3 học sinh trả lời. HS khác góp ý, bổ sung.

 ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau.

- GV hướng dẫn HS chốt ý.

***Nội dung định hướng chốt:***

*- Cách học từ thầy hiệu quả: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia phát biểu xây dựng bài học, đặt ra những câu hỏi để hiểu bài hơn…*

*- Cách học từ bạn hiệu quả: cùng nhau lên kế hoạch học tập, làm việc nhóm, tham gia thảo luận về các vấn đề của bài học, cùng nhau thực hiện bài tập khó…*

*- Kết hợp cả học từ thầy và học từ bạn để có kết quả học tập tốt nhất.*

 *- Mỗi cách học thể hiện một* ***góc nhìn*** *khác nhau về vấn đề học tập, khi ta biết* ***tôn trọng và nhìn nhận những góc nhìn khác nhau****, ta sẽ tìm được giải pháp học tập tốt nhất cho bản thân mình.*

**3. LUYỆN TẬP (5 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- HS khái quát được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận: các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố này.

- HS khái quát được cách tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận, mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận, cách tóm tắt các nội dung chính trong văn bản nghị luận. (Tùy vào thời gian, GV có thể thay hoạt động này bằng cách tóm tắt bằng sơ đồ tư duy).

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Giao nhiệm vụ học tập:***

GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm để HS trả lời nhanh.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh ghi câu trả lời cá nhân trong vở.

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV chiếu lại các câu trắc nghiệm. HS chọn đáp án và giải thích sự lựa chọn.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên hướng dẫn HS nhận xét,  khái quát lại:

- Văn nghị luận: văn bản được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về quan điểm, tư tưởng của người viết.

- Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Các yếu tố này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 99. Văn bản 2: BÀN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG**

**I. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

1. **Tổ chức thực hiện**:

 **- Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

+ GV sử dụng phương pháp đàm thoại: *Hình sau gợi nhắc em đến nhân vật nào đã được học. Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về nhân vật ấy?*

|  |  |
| --- | --- |
| Truyện cổ tích Thánh Gióng | Đức Thánh Gióng - Truyền thuyết Việt Nam |

+ Tổ chức cho HS trao đổi nhanh (Kĩ thuật think- pair- share)

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân lần lượt trình bày theo hiểu biết riêng.

 HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**- Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**- Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

*Trong những ngày đầu dựng nước, dân tộc ta đã phải trải qua nhiều gian nan, thử thách, đặc biệt là các thế lực ngoại xâm luôn lăm le xâm chiếm dân tộc. Vì vậy, ước mơ của nhân dân luôn mong muốn có một vị anh hùng có đủ sức đủ tài để đứng ra chiến đấu chống giặc. Nhân vật Thánh Gióng tiêu biểu cho tinh thần chống giặc, trở thành biểu tượng về lòng yêu nước của dân tộc.*

**II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản (10’)**

 **a) Mục tiêu:**

 - Đọc văn bản, thực hiện kĩ năng đọc bằng cách trả lời câu hỏi trong khi đọc

 **b) Nội dung:**

 - HS đọc văn bản và ghi chép câu hỏi suy luận.

 **c. Sản phẩm:** phần đọc của hs, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc

 **d) Tổ chức thực hiện**

 **- Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yc hs xem lại, hoàn thiện và chuẩn bị trình bày kết quả đọc ở nhà theo hình thức nhóm đôi(Kĩ thuật think- pair- share)

 **- Thực hiện nhiệm vụ**

 Cá nhân hs xem lại kết quả đọc ở nhà, chỉnh sửa và trao đổi với bạn cùng nhóm đôi

 **- Báo cáo, thảo luận**

 Cá nhân hs trình bày kết quả đọc ở nhà trước lớp. Các hs khác nhận xét

 **- Kết luận, nhận định (GV)**

Gv nhận xét kết quả đọc ở nhà của hs

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**3. Đặc điểm của VB nghị luận**

 **a) Mục tiêu:**

 - Nhận ra được đặc điểm của kiểu VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng)

 **b) Nội dung:**

 - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm đôi (think- pair- share) để hoàn thành nhiệm vụ.

 **c. Sản phẩm:** kết quả thảo luận nhóm của hs về các câu hỏi 1,2,3

 **d) Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

Tổ chức cho hs trả lời câu hỏi theo hình thức nhóm đôi **(**think- pair- share), hoàn thành PHT

**- Thực hiện nhiệm vụ**

Hs suy nghĩ, trả lời câu hỏi sau đó thảo luận với bạn cùng nhóm đôi

**- Báo cáo, thảo luận**

Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác góp ý, nhận xét

**- Kết luận, nhận định (GV)**

Gv nhận xétphần trả lời của các nhóm, bổ sung, gợi ý câu trả lời

Bằng những lí lẽ xác đáng, những dẫn chứng cụ thể, sinh động, tác giả đã thuyết phục người đọc, người nghe.

*Định hướng nội dung:*

**- Hai ý kiến về nhân vật Thánh Gióng:**

*+ Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước*

*+ Thánh Gióng có cái bình thường của con người trần thế*

**- Các lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến về nhân vật TG** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| **Ý kiến 1: Thánh Gióng là một nhân vật phi thường.** | Gióng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường | - Sự thụ thai thần kì: bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân không lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh... - Sức mạnh ý chí phi thường: Nhổ bụi tre, đánh tan giặc |
| **Ý kiến 2: Thánh Gióng là một con người trần thế bình thường**  | - Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định. | + Con của làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ 6 |
| **-** Quá trình ra đời, trưởng thành và đánh giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị. | - Dù có siêu nhiên đến đâu Gióng vẫn nằm trong bụng mẹ, uống nước, ăn cơm, mặc quần áo bằng vải của dân làng, sử dụng vũ khí do các thợ rèn đúc nên |
| Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước | Hình ảnh cậu bé Gióng nằm im không nói, không cười nhưng khi giặc xâm lăng thì vụt lớn đánh giặc thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của nhân dân |

 **- Câu văn thể hiện lí lẽ:** Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị

 Câu văn thể hiện bằng chứng: các câu văn còn lại

 **4. Tóm tắt văn bản *(10’)***

a**. Mục tiêu:**

- Tóm tắt được nội dung chính của văn bản nghị luận *Bàn về nhân vật Thánh Gióng.*

 **b. Nội dung:**

HS đọc lại văn bản và trả lời câu hỏi 4 trong SGK, từ đó rút ra cách tóm tắt văn bản nghị luận.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn tóm tắt văn bản *Bàn về nhân vật Thánh Gióng.*

 **d. Tổ chức thực hiện:**

 **Giao nhiệm vụ học tập:**

- Giáo viên giao bài tập cho HS: **Hãy tóm tắt nội dung văn bản bằng** bằng sơ đồ**, sau đó viết đoạn văn tóm tắt VB nghị luận** (khoảng 100 đến 150 chữ) hoặc

 **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Học sinh vẽ sơ đồ và suy nghĩ viết đoạn văn tóm tắt vào vở.

 **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**:

- Đại diện 1, 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung, chốt cách thức tóm tắt văn bản nghị luận.

- GV chụp và chiếu đoạn văn tóm tắt của một nhóm tiêu biểu lên màn hình để nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

 **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- GV hướng dẫn HS nhận xét về cách tóm tắt một văn bản nghị luận (Một văn bản nghị luận thường gồm có nhiều đoạn):

*+ Khi tóm tắt một văn bản nghị luận ta cần phân tách các ý kiến với lí lẽ, bằng chứng kèm theo.*

*+ Nhận xét được mối liên hệ giữa các yếu tố ấy (Có thể vẽ sơ đồ)*

*+ Sau đó diễn đạt một cách ngắn gọn bằng lời văn của mình theo các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.*

*Định hướng nội dung:*

**BÀN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG**

**Thánh Gióng là một con người trần thế bình thường**

**Thánh Gióng là một nhân vật phi thường.**

**Dẫn chứng**

**Dẫn chứng**

**Lí lẽ**

**Lí lẽ**

**Nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh**

**- Phù Đổng..**

**- Ăn, mặc...**

**- Khi có giặc vụt lớn**

**- Lai lịch**

**- Sự ra đời**

**- Sức mạnh của nhân dân**

**- Sự thụ thai**

**Sức mạnh, ý chí**

**5. Ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản (5’)**

**a. Mục tiêu:**

- Chỉ ra ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản: cần có cái nhìn toàn diện, đa chiều trước mọi vấn đề.

- Hình thành thái độ tôn trọng góc nhìn của mọi người.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi 5 trong phần *Suy ngẫm và phản hồi*, từ đó nhận raý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản với bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

 **Giao nhiệm vụ học tập:**

HS đọc câu hỏi 5: *Thông qua văn bản, em có đồng tình với ý kiến sau không? Vì sao?“Những góc nhìn, cách hiểu khác nhau của tác giả về nhân vật TG giúp chúng ta hiểu văn bản sâu sắc hơn.”*

 **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Học sinh dựa vào những gì đã đọc và những trải nghiệm của bản thân để trả lời câu hỏi 5.

 **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**:

1 – 3 học sinh trả lời. HS khác góp ý, bổ sung.

 **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau.

- GV hướng dẫn HS chốt ý.

*Định hướng chốt:*

*Đồng ý với ý kiến trên, tác giả đã giúp người đọc có cái nhìn đa diện hơn về Thánh Gióng. Nhân vật này không chỉ mang vẻ đẹp phi thường, mà còn mang những đặc điểm của con người trần thế, bình dị và gẫn gũi.*

**III. LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao phiếu bài tập)

**Hãy nêu cảm nhận của em về nhân vật Thánh Gióng bằng một đoạn văn ngắn (Khoảng 5 đến 10 câu). Chỉ rõ lí lẽ và bằng chứng em đã sử dụng trong đoạn văn đó.**

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

+ HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**- Dự kiến sản phẩm: Cần nêu được những nội dung sau**

**+**  Giới thiệu được nhân vật Thánh Gióng.

+ Nêu được cảm nhận riêng về nhân vật,

+ Viết được đoạn văn theo yêu cầu. Chỉ ra được lí lẽ, bằng chứng.

**- Báo cáo, thảo luận**

+ GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

+ HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**- Kết luận, nhận định (GV)**

+ Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

+ Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Văn bản 3: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**GÓC NHÌN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:*** Nắm được nội dung văn bản

- Liên hệ kết nối với văn bản Học thầy,học bạn và Bàn về nhân vật Thánh Gióng để hiểu hơn về chủ điểm Những góc nhìn cuộc sống.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

***3. Về phẩm chất:***- HS có ý thức nhìn nhận cuộc sống đa chiều hơn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Chuẩn bị của giáo viên:***

Giáo án;

Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

***2. Chuẩn bị của học sinh:*** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1 : Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS quan sát bức tranh sau và đưa ra phương án mà em quan sát thấy qua bức tranh:



*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Những góc nhìn khác nhau trong cuộc sống sẽ cho chúng ta những cách nhìn nhận khác nhau,*

 **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **1 Tìm hiểu tác giả, tác phẩm****B 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS: *Dựa vào tìm hiểu ở nhà, em hãy trình bày những hiểu biết về thể loại, nhắc lại đặc điểm thể loại*- HS thực hiện nhiệm vụ.**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**B 3: Báo cáo kết quả** + HS trình bày sản phẩm thảo luận+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B 4: Đánh giá, nhận định.**+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng**2 Hướng dẫn đọc****B 1: chuyển giao nhiệm vụ***-* GV hướng dẫn cách đọc: Gv tổ chức cho HS đọc. Lưu ý học sinh cách đọc thể hiện được diễn biến tâm trạng của các nhân vật trong truyện.- Hướng dẫn HS hiểu nghĩa một số từ khó: *vi hành, ngân khố.*- HS lắng nghe.**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**B 3: Báo cáo kết quả** + HS trình bày sản phẩm thảo luận+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B 4: Đánh giá, nhận định.**+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung*****1. Thể loại: truyện*****II. Tìm hiểu chi tiết*****1. Đọc, chú thích*** |

**Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **B 1: chuyển giao nhiệm vụ****1: Tìm hiểu vị vua****- GV đặt câu hỏi gợi mở:** *Hãy đọc câu danh ngôn đầu truyện? Em hiểu thế nào về câu danh ngôn đó?*- Gv đặt câu hỏi gợi dẫn HS tìm hiểu:*+ Tại sao vị vua lại có thái độ bực mình?**+ Vị vua đã ra quyết định gì? Quyết định đó thể hiện điều gì ở vị vua?***2: Tìm hiểu nhân vật người hầu***+ Quyết định của vị vua có được mọi người ủng hộ, đồng tình không? Vì sao?**+ Người hầu đã đưa ra lời khuyên gì? Lời khuyên đó đêm đến lợi ích gì?***3: Nhận xét về cách nhìn khác nhau giữa nhà vua và người hầu***GV yêu cầu HS điền vào bảng sau và từ đó đưa ra nhận xét về cách nhìn nhận giữa hai nhân vật có gì khác nhau:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nhân vật*** | ***Nhà vua*** | ***Người hầu*** |
| *Địa vị xã hội* |  |  |
| *Tâm trạng khi đưa ra quyết định* |  |  |

*+ Thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc là gì*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏiDự kiến sản phẩm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nhân vật*** | ***Nhà vua*** | ***Người hầu*** |
| *Địa vị xã hội* | *Có quyền lực, quen sống xa hoa* | *Người nghèo, luôn cân nhắc kĩ về tiền nong* |
| *Tâm trạng khi đưa ra quyết định* | *Bực tức* | *Tinh thân sáng suốt* |

**B 3: Báo cáo kết quả** + HS trình bày sản phẩm thảo luận+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B 4: Đánh giá, nhận định.**+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv bổ sung: Cách nhìn của hai nhân vật trên có sự khác nhau: vị vua có quyền lực, đã quen sống xa hoa nên dễ dàng đưa ra mệnh lệnh vô lí để thỏa mãn mình. Ngược lại, người hầu xuất thân từ tầng lớp dâ nghèo, quen tính toán kĩ lưỡng để tránh gây lãng phí một cách vô ích. Tuy nhiên, có thể hiểu được những quyết định đến từ hai người, nhà vua do đang bực bội nên đưa ra quyết định thiếu suy nghĩ còn người người đưa ra ý kiến trong trạng thái tinh thần sáng suốt. Như vậy, trong cuộc sống, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến góc nhìn của chúng ta. Chúng ta không nên vội vàng quyết định điều gì, cần bình tĩnh và sáng suốt suy nghĩ thật thấu đáo vấn đề. | ***2. Phân tích******2.1. Nhân vật vị vua***- Vị vua bực mình vì chân ông rất đau, những cơn nhức mỏi hành hạ- Vị vua quyết định: tất cả các con đường trong vương quốc phải được bao phủ bằng da súc vật.🡪 quyết định vô lí, không khả thi vì vương quốc rất rộng lớn.***2.2. Nhân vật người hầu***- Lời khuyên đưa ra: cắt những miếng da bò êm ái phủ quanh đôi chân.🡪 Lời khuyên đúng đắn vừa giúp tiết kiệm ngân sách cho đất nước, vừa góp phần phát minh ra đôi giầy đầu tiên trong lịch sử.🡪 Thông điệp: khi ta thay đổi góc nhìn, ta sẽ có được những giải pháp hiệu quả, hợp lí và có được những sáng tạo không ngờ. |

**Hoạt động 2: Tổng kết văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B 1: chuyển giao nhiệm vụ****- GV đặt câu hỏi:** *+ Văn bản đề cập đến nội dung gì?**+ Nghệ thuật văn bản?***B 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi**B 3: Báo cáo kết quả** + HS trình bày sản phẩm thảo luận+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B 4: Đánh giá, nhận định.**+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  | **III. Tổng kết**1. ***Nội dung – Ý nghĩa:***

- Truyện kể về quyết định vô lí của vị vua trong lúc bực tức và lời khuyên sáng suốt của người hầu đã tìm ra được cách giải quyết vấn đề hợp lí.- VB muốn gửi tới chúng ta thông điệp: khi ta thay đổi góc nhìn, ta sẽ có được những giải pháp hiệu quả, hợp lí và có được những sáng tạo không ngờ.***2. Nghệ thuật***- Cách kể chuyện hấp dẫn, sinh động. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Qua câu chuyện trên, em hãy nêu ý kiến: *Làm thế nào để mỗi người có những quyết định hợp lí, sáng suốt trong cuộc sống?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi: HS tự nêu lên cảm nhận, cách đánh giá của mình.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV có thể chốt lại một số nội dung: cần biết quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.*

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*Có phải lúc nào chúng ta cũng nên thay đổi cách nhìn của mình trong cuộc sống không?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.* ***GV đưa ra gợi ý****:* Cuộc sống vốn đa dạng, đa chiều, ta cần biết lắng nghe, tiếp thu những ý kiến đúng đắn, phản biệ những ý kiến chưa hợp lí nhưng đồng thời cũng phải có chính kiến, biết trình bày, bảo vệ góc nhìn của mình.